TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐST
Ngày: 12-01-2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Phương – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thiện Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 883/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/12/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lưu Thị Ngọc H, sinh năm 1995; hộ khẩu thường trú: Số 177/9, ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh V, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Hoàng T, sinh năm 1990; hộ khẩu thường trú: Số nhà 39, ấp R, xã A, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; hiện đang chấp hành án tại Đội 15, Phân trại số 4, Trại giam X, huyện x, tỉnh Đ, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Lưu Thị Ngọc H trình bày:

Bà H và ông Đặng Hoàng T chung sống với nhau từ tháng 4/2019, không có tổ chức cưới hỏi. Đến tháng 11/2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu

thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Ông T không đi làm, nghiện ma túy và chơi đá gà, làm phá tán tài sản trong gia đình. Mặc dù bà H và gia đình đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông T không từ bỏ ma túy. Ngày 30/01/2020, ông T bị bắt tạm giam vì tàng trữ trái phép chất ma túy, sau đó bị xử phạt 18 tháng tù và bị đưa đi chấp hành án tại Trại giam X, tại huyện X, tỉnh Đ. Bà H và ông T đã sống ly thân từ khi ông T bị bắt cho đến nay. Nay bà H cho rằng vợ chồng đã sống ly thân 01 năm nên không còn tình cảm với ông T. Ông T là người không có nghề nghiệp, không lo làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống gia đình nên bà H nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông T không có tương lai. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đặng Hoàng T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông T chưa có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà Lưu Thị Ngọc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu theo nội dung đơn khởi kiện.

Tại Bản tự khai ngày 16/12/2020, bị đơn ông Đặng Hoàng T trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Lưu Thị Ngọc H về thời điểm sống chung, việc đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Ông T và bà H chung sống với nhau từ năm 2019, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến tháng 01/2020, thì ông T bị bắt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và hiện nay đang chấp hành án tại Đội 15, Phân trại số 4, Trại giam X.

Ông T không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà H vì cho rằng giữa ông và bà H không xảy ra mâu thuẫn gì. Tại thời điểm tự khai, 07 tháng sau ông T sẽ chấp hành án xong. Khi ông T chấp hành án xong và quay trở về địa phương sẽ tìm hiểu sự việc thì mới quyết định có đồng ý ly hôn hay không.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T cũng tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời bị đơn ông Đặng Hoàng T cũng có đơn yêu cầu vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong

quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn có mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì bà H cho rằng không còn tình cảm với ông T, do ông T không có nghề nghiệp ổn định, không lo chăm sóc gia đình, ngoài ra còn nghiện ma túy, chơi đá gà và thường xuyên phá tán tài sản trong gia đình. Hiện ông T đang chấp hành án phạt tù. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nhận thấy yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Lưu Thị Ngọc H khởi kiện bị đơn ông Đặng Hoàng T về việc tranh chấp ly hôn. Bị đơn ông T có địa chỉ cư trú tại thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đều đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Lưu Thị Ngọc H và ông Đặng Hoàng T kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2019, hôn nhân là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn bà H, vợ chồng chung sống từ tháng 04/2019 đến cuối năm 2019, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mẫu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Ông T không đi làm, nghiện ma túy và chơi đá gà, làm phá tán tài sản trong gia đình. Mặc dù đã được khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông T không thay đổi. Ngày 30/01/2020, ông T bị bắt tạm giam vì hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, bị xử phạt 18 tháng tù và chấp hành án cho đến nay. Bà H cho rằng do thời gian sống ly thân đã 01 năm nên không còn tình cảm với ông T. Vì vậy, bà H yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Hoàng T.

Bị đơn ông T cho rằng giữa ông và bà H không có mâu thuẫn gì nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ

đã thu thập có tại hồ sơ vụ án, xét thấy bị đơn ông T bị xử phạt 18 tháng tù về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện đang chấp hành án tại Trại giam X, tại huyện x, tỉnh Đ. Do đó, lời trình bày của bà H về việc ông T không có nghề nghiệp, không lo làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, nghiện ma túy làm phá tán tài sản của gia đình khiến mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng là có căn cứ. Ông T bị bắt và chấp hành án, nên vợ chồng sống ly thân từ ngày 30/12/2020 cho đến nay là 01 năm, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mối quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ căn cứ để chấp nhận cho bà Lưu Thị Ngọc H được ly hôn với ông Đặng Hoàng T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Ông T và bà H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị Ngọc H đối với bị đơn ông Đặng Hoàng T về việc: "Tranh chấp ly hôn".

Về hôn nhân: Bà Lưu Thị Ngọc H được ly hôn với ông Đặng Hoàng T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Lưu Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu

tiền số AA/2016/0048239 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Pháp luật./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Nhung